

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT

Ngày: 16/12/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường

Các thẩm phán: ông Ngô Văn Thắng, ông Bùi Đức Tuấn

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Minh – thư ký TAND tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2020/TLPT-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố HL bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐ-PT ngày 01/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP TV.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Thái S (có mặt) và anh Nguyễn Văn T (vắng mặt)- Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Tầng 2B, tòa nhà R, 72A đường N, quận T, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 18A, khu 3, phường HK, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Thế H - Chức vụ: Giám đốc Công ty; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số 33 đường K, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh .Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Thế H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện CG, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Số 33 đường K, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh . Vắng mặt.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng VKSND thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngân hàng TMCP TV- chi nhánh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt là Ngân Hàng) có cho Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) vay 585.650.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 010617 – 3612142-01 - SME ngày 01/6/2017. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày 02/6/2017 đến ngày 02/6/2022. Mục đích vay: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô HUYNDAI ELANTRA 1.6AT mới 100%. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty A vay số tiền là 585.650.000 đồng qua khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 27/8/2020 (ngày xử sơ thẩm), Công ty A đã thanh toán cho Ngân hàng: Số tiền gốc: 137.200.000 đồng và tiền lãi: 66.870.332 đồng. Tổng cộng: 204.070.332 đồng (Hai trăm linh bốn triệu không trăm bảy mươi nghìn ba trăm ba mươi hai đồng). Hiện còn nợ ngân hàng 623.792.571 đồng, gồm tiền gốc 448.450.000 đồng; tiền lãi 175.342.571 đồng. Tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay này là chiếc xe ô tô con nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, biển số 14A251.29 thuộc sở hữu của Công ty A. Đồng thời ngày 01/06/2017, cá nhân anh Nguyễn Thế H với Ngân hàng còn ký một Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL với nội dung: trong trường hợp Công ty A không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Thế H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (là Công ty A) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án) và tất cả các nghĩa vụ khác – của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng.

Ngày 07/06/2017, giữa Công ty A và Ngân hàng ký hợp đồng mở thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) không có tài sản bảo đảm. Tính đến ngày 27/8/2020, Công ty còn nợ Ngân hàng 38.925.668 đồng tiền gốc và 6.939.585 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 45.892.253 đồng.

Quá trình thực hiện hai Hợp đồng trên, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 27/8/2020 là 669.684.824 đồng, trong đó nợ Hợp đồng tín dụng (nợ gốc là 448.450.000 đồng , lãi trong hạn 5.683.353 đồng, lãi quá hạn là 156.928.221 đồng, lãi chênh lệch là 12.730.997 đồng); nợ thẻ tín dụng là 45.892.253 đồng (gốc là 38.952.668 đồng, lãi là 6.939.585 đồng).

+ Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

+ Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, BKS 14A-251.29 mang tên Công ty A, theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

+ Trường hợp kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản của Công ty A không đủ thu hồi nợ. Đề nghị Tòa án tuyên: Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty A, anh Nguyễn Thế H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Quan điểm của bị đơn thừa nhận: Công ty A có vay của Ngân hàng số tiền là 585.650.000 đồng (năm trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), theo Hợp đồng cho vay số 010617-3612142-01-SME ngày 01/06/2017 và đã được Ngân hàng giải ngân đầy đủ. Công ty có mở 01 Thẻ tín dụng theo giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2017 giữa Công ty A và Ngân hàng với hạn mức là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Công ty có thế chấp: 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, BKS: 14A- 251.29 mang tên Công ty A cho Ngân hàng để bảo đảm cho việc vay vốn, tính đến ngày 25/5/2020 Công ty còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 659.926.197 đồng. Công ty A đồng ý với yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng, đồng ý với yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng, anh H đồng ý với yêu cầu thực hiện bảo lãnh theo như hợp đồng bảo lãnh.

Với nội dung trên, tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2020/KDTM-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố HL quyết định:

Buộc Công ty A phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc 494.342.253 đồng (bốn trăm chín mươi tư triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi 175.342.571 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi một đồng). Tổng cộng số tiền phải trả nợ là: 669.684.824 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn tám trăm hai mươi bốn đồng).

Nếu Công ty A không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, BKS: 14A-251.29 mang tên Công ty A.

Công ty A không chịu trả số tiền nêu trên, thì anh Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TV số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên số tiền gốc chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra Tòa án còn quyết định về, án phí, việc thi hành án, thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 09/9/2020, Viện trưởng VKSND thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh ban hành kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-KDTM với nội dung:

1. Về xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bản án sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” là không chính xác.

2. Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án:

Bản án sơ thẩm không thể hiện việc xác định và triệu tập anh Nguyễn Thế H với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, vì ông H còn ký hợp đồng bảo lãnh cho món vay với Ngân hàng.

3. Về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định số tiền bị đơn phải thanh toán:

Theo đơn khởi kiện và quan điểm tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu buộc Công ty A phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ của hợp đồng vay và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi Công ty A thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Elantra, BKS 14A-251.29 mang tên Công ty A; trường hợp kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản của Công ty A không đủ thu hồi nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty A, anh Nguyễn Thế H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không đề cập nội dung yêu cầu nêu trên tại phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đầy đủ; nhưng tại phần quyết định lại tuyên buộc nếu Công ty A không chịu trả tiền cho Ngân hàng, thì anh Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là mâu thuẫn. Hơn nữa, bản án không đề cập giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, thu giữ phát mại các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty A là thiếu sót, chưa giải quyết hết các yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án, vi phạm quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Theo yêu cầu của nguyên đơn về tổng số nợ gốc là 487.402.668 đồng, trong đó tiền nợ gốc của Hợp đồng vay là 448.450.000 đồng, số tiền nợ gốc của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là 38.952.668 đồng (không phải là 38.925.668 đồng như bản án nêu). Bản án cập nhật không đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Tiền lãi chênh lệch của Hợp đồng vay là 12.730.997 đồng,

nhưng Tòa án xác định là 3.828.900 đồng. Số tiền nợ của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 45.892.253 đồng (gốc là 38.952.668 đồng, lãi là 6.939.585 đồng), nhưng bản án không xác định được số tiền nợ gốc và lãi là bao nhiêu, nên dẫn đến bản án xác định tổng số nợ gốc là 494.342.253 đồng (448.450.000 đồng + 45.892.253 đồng) là chưa chính xác, số tiền gốc bị chênh lệch là 6.939.585 đồng và xác định không chính xác tổng số tiền lãi. Do vậy, dẫn đến việc tính lãi quá hạn không chính xác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Công ty A.

Mặt khác, Hợp đồng vay số 010617-3612142-01-SME ký kết ngày 01/7/2017, thời hạn vay 60 tháng, đến 01/7/2021 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 07/6/2017, thời hạn 60 tháng, đến ngày 07/6/2021. Như vậy, các hợp đồng vay, hợp đồng thẻ tín dụng trên giữa Ngân hàng và Công ty A vẫn đang trong thời hạn thực hiện. Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty A phải trả toàn bộ gốc và lãi suất theo Hợp đồng vay, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ. Lẽ ra khi giải quyết, Tòa án phải áp dụng Điều 422 Bộ luật dân sự 2015 để tuyên bố chấm dứt hợp đồng cho vay, Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng làm căn cứ buộc Công ty A phải thực hiện theo nội dung hợp đồng. Nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên buộc Công ty A phải trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc, và lãi suất trước thời hạn của hợp đồng cho Ngân hàng là không chính xác, không đúng quy định của pháp luật.

4. Về xác định nghĩa vụ trả lãi khi thi hành án:

Bản án sơ thẩm tuyên: “Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên tiền gốc chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả...” là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Quan điểm của Ngân hàng TV tại phiên tòa phúc thẩm: Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chấm dứt Hợp đồng cho vay số 010617 – 3612142-01 – SME” và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: bị đơn trong vụ án này là Công ty TNHH A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa nên căn cứ điều

296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty TNHH A và anh Nguyễn Thế H.

Ngày 01/6/2017, Công ty TNHH A có ký với Ngân hàng “Hợp đồng cho vay số 010617 – 3612142-01 – SME” để vay 585.650.000 đồng. Để bảo đảm cho món vay này thì ngày 01/6/2017, Công ty TNHH A có dùng tài sản của mình là 01 xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI ELANTRA, biển số 14-251.29 thế chấp cho Ngân hàng. Đồng thời ngày 01/06/2017, cá nhân anh Nguyễn Thế H với Ngân hàng còn ký một Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL. Căn cứ theo điều 1 và điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh thì trong trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng cho vay 010617 – 3612142-01 - SME thì anh H phải trả nợ thay cho Công ty TNHH A. Lẽ ra trong trường hợp này TAND thành phố H phải đưa anh Nguyễn Thế H tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nhưng Tòa án thành phố H không làm việc này là vi phạm thủ tục tố tụng đúng như kháng nghị của Viện kiểm sát, lẽ ra phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Tuy nhiên sau xét xử anh H không kháng cáo, trong quá trình giải quyết vụ án anh H cũng đã được tham gia và biết được nội dung sự việc và đồng ý quan điểm đòi nợ của Ngân hàng, nếu hủy án sơ thẩm cũng không thay đổi bản chất vụ án nên Tòa phúc thẩm đưa anh H tham gia tố tụng và không hủy bản án sơ thẩm.

[2] Xét về nội dung kháng nghị khác của Viện kiểm sát thấy:

Về quan hệ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là “ tranh chấp hợp đồng dịch vụ” là sai, vụ án này phải xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Căn cứ các chứng cứ do đương sự cung cấp, lời khai của bị đơn thì có căn cứ xác định Công ty TNHH A và anh Nguyễn Thế H có ký hợp đồng cho vay, hợp đồng bảo lãnh, hợp đồng thế chấp với Ngân hàng, có nhận tiền của Ngân hàng, Công ty TNHH A thừa nhận còn nợ Ngân hàng (tính đến ngày 25/5/2020 tổng cộng là 659.926.197 đồng) và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do Công ty TNHH A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty TNHH A. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Công ty TNHH A phải trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có những thiếu sót như kháng nghị của Viện kiểm sát nên Tòa phúc thẩm sẽ sửa lại cho phù hợp.

Riêng đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng phải căn cứ khoản 2 điều 422 Bộ luật dân sự để tuyên bố hai hợp đồng tín dụng chấm dứt, Tòa án thấy trong vụ án này không đương sự nào yêu cầu tuyên bố chấm dứt, các đương sự cũng không thỏa thuận chấm dứt hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên bố chấm dứt hợp đồng là đúng. Và Tòa án căn cứ theo quy định tại điều 95 luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 điều 7 của hợp đồng cho vay buộc

Công ty TNHH A trả toàn bộ số nợ gốc, lãi cho Ngân hàng là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt hợp đồng cho vay và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nên Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị này của Ngân hàng.

[3]Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí không ai phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung, hợp nhất năm 2017); các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TV. Tuyên bố chấm dứt “hợp đồng cho vay số 010617 – 3612142-01 – SME” ngày 01/6/2017 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 07/6/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TV với Công ty TNHH A .

Buộc Công ty TNHH A phải trả nợ cho Ngân hàng TV theo “Hợp đồng cho vay số 010617 – 3612142-01 – SME” ngày 01/6/2017 tổng cộng là 623.792.571 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi một đồng). (Trong đó tiền gốc là 448.450.000 đồng, tiền lãi là 175.342.571 đồng)

Buộc Công ty TNHH A phải trả nợ cho Ngân hàng TV theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 07/6/2017 tổng cộng là 45.892.253 đồng (Bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi ba đồng). (Trong đó tiền gốc là 38.952.668 đồng; tiền lãi là 6.939.585đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH A còn phải trả cho Ngân hàng TV khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận tại “hợp đồng cho vay” số 010617 – 3612142-01 – SME ngày 01/6/2017 và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 07/6/2017.

Kể từ ngày Ngân hàng TV có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH A không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng TV có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh xử lý tài sản thế chấp theo

“hợp đồng thế chấp xe ô tô” số 010617-3612142-01-SME/TC ngày 01/6/2017 để thu hồi nợ.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì Cơ quan thi hành án có quyền xử lý các tài sản khác của Công ty TNHH A để thu hồi nợ theo như điều 8 của “Hợp đồng thế chấp xe ô tô” số 010617-3612142-01-SME/TC ngày 01/6/2017.

Trường hợp Công ty TNHH A không trả được số tiền nêu trên, thì anh Nguyễn Thế H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TV số tiền nêu trên, theo như “hợp đồng bảo lãnh” số 01/HĐBL ngày 01/6/2017.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH A phải nộp 30.787.392 đồng (ba mươi triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TV số tiền 13.222.500đ (mười ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001547 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND, THA thành phố HL;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường

